

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐỀ CHÍNH THỨC**

**KỶ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2002**

Bài thi môn: **TIẾNG ANH**

Thời gian làm bài: 180 phút

Chữ ký của cán bộ coi thi 1:

Chữ ký của cán bộ coi thi 2:

Họ và tên thí sinh: ..... Nam/ Nữ: .....

Ngày tháng năm sinh: ...../ ...../ ..... Dân tộc: .....

Nơi sinh:.....

Hộ khẩu thường trú của thí sinh: .....

Khu vực dự thi (KV): ..... Đối tượng dự thi: .....

Phòng thi số: ..... Số báo danh: .....

Số phách:

*Bài thi gồm 02 trang - Thí sinh phải viết các câu trả lời vào đúng chỗ quy định theo hướng dẫn - THÍ SINH CHỈ THI CAO ĐẲNG không làm phần VII*

ĐIỂM:  Bằng số:  Bằng chữ:  Số phách:

Cán bộ chấm thi 1 ký:

Cán bộ chấm thi 2 ký:

**I. (ĐH:10 điểm; CĐ:15đ) Chọn một từ/ nhóm từ thích hợp cho mỗi chỗ trống trong những câu sau. Viết chữ A, B, C hoặc D tương ứng với từ/ nhóm từ đã chọn vào các ô từ 1 đến 10 trong khung **Answers****

- |  |  |
|--|--|
| <p>1. In recent years, more and more people _____ for things with credit cards.<br/>A. pay B. paid C. are paying D. have been paying</p> <p>2. What people _____ Benetton stores is that the quality is always high.<br/>A. like B. like very much C. like about D. like a lot</p> <p>3. Paolo would like to _____ by the time he is 40.<br/>A. travel B. be traveling C. be going to travel D. have traveled</p> <p>4. Poverty is a problem in many cities _____ whole families can only afford to live in one room.<br/>A. when B. where C. even D. if</p> <p>5. The world would be a better place if everyone showed _____ cooperation as John.<br/>A. as much B. so much C. too much D. much</p> | <p>6. He turned on the TV, _____ I thought was rather surprising.<br/>A. and B. so C. that D. which</p> <p>7. My car would not start, _____ Jenny's started immediately.<br/>A. whereas B. though C. however D. nevertheless</p> <p>8. They stayed for hours, which I was very _____.<br/>A. annoyed B. annoyed about C. annoying D. annoying me</p> <p>9. That was a very strange question _____.<br/>A. you ask B. you are asking C. for asking D. to ask</p> <p>10. _____ a movie to be entertaining, it has to have an interesting story.<br/>A. So that B. In order that C. In order for D. In order to</p> |
|--|--|

**Answers.**

1.....  
2.....  
3.....  
4.....  
5.....  
6.....  
7.....  
8.....  
9.....  
10.....

**II. (ĐH:5 điểm; CĐ:5đ) Chọn từ có phần gạch dưới được phát âm khác các từ còn lại. Viết A, B, C hoặc D vào các ô từ 11 đến 15 trong khung **Answers**.**

- |                         |                  |                 |                |
|-------------------------|------------------|-----------------|----------------|
| 11 A. <u>hear</u>       | B. <u>clear</u>  | C. <u>bear</u>  | D. <u>ear</u>  |
| 12 A. <u>heat</u>       | B. <u>great</u>  | C. <u>beat</u>  | D. <u>beak</u> |
| 13 A. <u>blood</u>      | B. <u>pool</u>   | C. <u>food</u>  | D. <u>tool</u> |
| 14 A. <u>university</u> | B. <u>unique</u> | C. <u>unit</u>  | D. <u>undo</u> |
| 15 A. <u>mouse</u>      | B. <u>could</u>  | C. <u>would</u> | D. <u>put</u>  |

**Answers**

11.....  
12.....  
13.....  
14.....  
15.....

**III. (ĐH:20 điểm; CĐ: 20đ) Xác định dạng thích hợp của từ cho sẵn trong ngoặc ( ) và viết các dạng từ đó vào các ô 16 - 25 trong cột **Answers**.**

- |   |            |
|---|------------|
| 16. The duty of the police is the _____ of law and order.                                   | (MAINTAIN) |
| 17. Our tomatoes are _____ nicely; they'll be ready to eat in about a week.                 | (RIPE)     |
| 18. Look at this picture of Bill and his father - you can see the _____ clearly, can't you? | (LIKE)     |
| 19. He said 'Good morning' in a most _____ way.   | (FRIEND)   |
| 20. Playing for the national team for the first time was an _____ experience for Hong Son.  | (FORGET)   |
| 21. 'This is not a good essay,' said the lecturer. 'I find your arguments _____'.           | (CONVINCE) |
| 22. It's a lovely old house, I agree, but can we afford to _____ it?                        | (MODERN)   |
| 23. George and I have been friends since _____; he used to live next door.                  | (CHILD)    |
| 24. In winter it is important for farmers to provide food and _____ for their animals.      | (WARM)     |
| 25. Pele _____ Ronaldo to take part in 2002 World Cup.                                      | (COURAGE)  |

**Answers**

16.....  
17.....  
18.....  
19.....  
20.....  
21.....  
22.....  
23.....  
24.....  
25.....

**IV. (ĐH: 20 điểm; CĐ: 20đ) Tìm một từ thích hợp cho mỗi chỗ trống được đánh số từ 26 đến 35 và viết từ đó vào khung **Answers**.**

In the world today, there are 5,000 to 6,000 living languages (26)\_\_\_\_\_ which English is by far the most widely used. As a (27)\_\_\_\_\_ tongue, it ranks second only (28)\_\_\_\_\_ Chinese, (29)\_\_\_\_\_ is little used outside China. Approximately 350 million people speak English as their first (30)\_\_\_\_\_. About the same number use it (31)\_\_\_\_\_ a second language. It is (32)\_\_\_\_\_ English language that is used as the language (33)\_\_\_\_\_ aviation, international sport and pop music. 75% of the world's mail is in English, 60% of the world's radio stations (34)\_\_\_\_\_ in English and (35)\_\_\_\_\_ than half of the world's periodicals are printed in English.

**Answers.**

26. _____	31. _____
27. _____	32. _____
28. _____	33. _____
29. _____	34. _____
30. _____	35. _____

**V.** (ĐH: 10 điểm; CD: 15 đ) Đọc đoạn văn dưới đây và viết câu trả lời trả lời ngắn gọn cho mỗi câu hỏi từ **36** đến **40** vào phần \_\_\_\_\_ sau mỗi câu hỏi.

For thousands of years, the ancient art form of Feng Shui has played a major role in Chinese life. Feng Shui means 'wind and water' and it is based on an appreciation of the relationship between people and the environment. It involves changing the design of your living or working space to improve your fortune.

For instance, soon after a Hong Kong millionaire moved his business to a new skyscraper, his business began to do very badly. He immediately called in Feng Shui experts. They told him that because his new office block was round, it was like a huge cigarette, and all the energy was burning off through the roof. They said that the only thing he could do to prevent this loss of energy was to build a swimming pool on the roof. The millionaire followed their advice, and his business immediately started to do well.

In recent years, Feng Shui has become popular in many western countries, where companies such as B&Q have started to seek advice from Feng Shui experts. Before his store was opened, Brian Ingliss, the manager of one of B & Q's stores in Britain, consulted a Feng Shui expert. The expert advised him to create a lot of free space around the store. Brian followed the advice, and within a year, the store was the most successful B&Q store in the country.

- 36. What kind of relationship does Feng Shui concern? \_\_\_\_\_
- 37. According to Feng Shui, what's wrong with a round building? \_\_\_\_\_
- 38. What did the Feng Shui expert advise Brian to do? \_\_\_\_\_
- 39. How did Brian's store benefit from following this advice? \_\_\_\_\_
- 40. What can be said about the writer's attitude towards Feng Shui? \_\_\_\_\_

**VI.** (ĐH: 20 điểm; CD: 25đ) *Viết lại các câu từ 41 đến 50 sao cho nghĩa của chúng vẫn không thay đổi. Mỗi câu viết lại được bắt đầu bằng (những) từ cho sẵn ở bên phải.*

- 41. It's common knowledge that he has been in prison several times.      41. He is known .....
- 42. 'I hate to be criticised by non-professionals,' the film star said.      42. The film star objected .....
- 43. She can't get into the habit of studying every evening.      43. She can't get used .....
- 44. I regret not paying much attention to the lecture.      44. I wish .....
- 45. Perhaps I didn't get a better job because I didn't study hard enough.      45. I might .....
- 46. Please don't mention it again.      46. I'd rather .....
- 47. Ms. Quyen began teaching Chinese ten years ago.      47. Ms. Quyen has .....
- 48. We haven't visited the museum before.      48. This is .....
- 49. Peter missed the train because he woke up too late.      49. If Peter .....
- 50. The robber forced the cashier to hand over the money.      50. The cashier .....

**VII.** (ĐH: 15 điểm) *Sử dụng những từ/ cụm từ cho sẵn trong các câu từ 51 đến 60 để viết thành các câu hoàn chỉnh về nhà văn Jack London. Anh/chị có thể dùng thêm từ và những biến đổi cần thiết nhưng không được bỏ bất kỳ từ nào đã cho. Thí sinh chỉ thi cao đẳng không làm phần VII này.*

- 51. Jack London/ life and writings/ represent/ American/ love/ adventure      51. ....
- 52. Jack London/ born / San Francisco/ 1876      52. ....
- 53. He/ quit/ school/ fourteen/ become/ sailor      53. ....
- 54. He/ travel/ good/ deal/ during/ short/ lifetime      54. ....
- 55. He/ travel/ many/ place/ Europe/ United States/ Far East      55. ....
- 56. 1897/ Jack London/ 21/ year/ old/ gold/ discover/ Alaska      56. ....
- 57. He/ answer/ call/ adventure      57. ....
- 58. He/ take/ part/ famous/ 'gold rush'      58. ....
- 59. experiences/ wild/ northern country/ provide/ material/ many/ later/ stories/ novels      59. ....
- 60. best-known/ novels/ include/ *The Call of the Wild/ The Sea-Wolf*      60. ....

**HẾT**

**CHÚ Ý:** Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.